

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 06 - 5 - 2020

NHÂN D A
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Vũ Mạnh Toàn

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - Sinh năm 1997, tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn A sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Á sinh năm 1975, cả hai hiện ở đội 13 xã N, huyện N, tỉnh N; vợ, con: Không. Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 28/02/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Ngày 27/9/2017, bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/12/2018, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Phạm Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

* Người bị hại: Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Đội 14, xã N, huyện N, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2020, Phạm Văn T đi bộ từ nhà đến quán bán tạp hóa của chị Bùi Thị H, ở đội 14, xã N, huyện N để mua thuốc lá về hút. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày Phạm Văn T vào quán bán tạp hóa của chị H, thấy không có ai ở quán, T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị H để chi tiêu cá nhân. T đi vào khu vực tủ kính, thấy có chiếc hòm tôn, có kích thước 30 x 20 x 10 cm không khóa của chị H để trong tủ kính, T mở nắp hòm tôn ra thấy bên trong hòm tôn có tổng số tiền 10.100.000 đồng, T sợ bị phát hiện nên không lấy hết số tiền 10.100.000 đồng của chị H. T rút một ít tiền bỏ vào trong túi áo khoác rồi đặt nắp hòm tôn lại. Sau đó T ra gọi chị H ra hỏi mua 02 bao thuốc lá Thăng Long hết 20.000 đồng, T lấy 01 tờ 50.000 đồng của T ra trả cho chị H, chị H cầm tiền và trả lại T 30.000 đồng, sau đó T ra về. Trên đường về T rút số tiền mà T lấy trộm của chị H ra đếm được 3.300.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi Phạm Văn T ra về, chị H nghi ngờ T lấy trộm tiền của chị H và chị H kiểm tra lại tiền thì phát hiện mất số tiền 3.300.000 đồng, chị H đã kiểm tra Camera của gia đình thì thấy Phạm Văn T đã vào lấy trộm tiền của chị H để trong hòm tôn. Ngày 10/02/2020, chị Bùi Thị H có đơn trình báo Công an xã N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Công an xã Nghĩa Phong báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ của chị Bùi Thị H 01 chiếc USB, bên trong USB có lưu giữ 01 đoạn vi deo ghi lại hành vi của Phạm Văn T trộm cắp tiền của chị H ngày 10/02/2020, tại nhà chị Bùi Thị H, ở đội 14, xã N, huyện N, tỉnh N.

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 10/3/2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội d A và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Phạm Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để truy thu của Phạm Văn T số tiền 3.300.000 đồng sung quỹ Nhà nước; đề nghị áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều

6; 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tr A luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 10/02/2020 Phạm Văn T vào nhà chị Bùi Thị H mua thuốc lá và đã có hành vi lén lút đi vào khu vực tủ kính mở nắp chiếc hòm tôn của chị H để trộm cắp của chị H số tiền 3.300.000 đồng, mục đích để chi tiêu cá nhân. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhằm chống mọi sự xâm hại của tội phạm. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy bị cáo đã hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tuy đã được xóa tiền sự nhưng bị cáo là người có nhân thân không tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/02/2019, Phạm Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, đến ngày 10/02/2020, Phạm Văn T lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên bị cáo

Phạm Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tại cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 3.300.000 đồng Phạm Văn T trộm cắp của chị Bùi Thị H ngày 10/02/2020, chị Bùi Thị H không yêu cầu Phạm Văn T phải hoàn trả cho chị H vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc USB thu giữ của chị Bùi Thị H, bên trong USB có lưu giữ đoạn vi deo ghi lại hành vi của Phạm Văn T trộm cắp tiền của chị H, là tài liệu chứng cứ của vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 3.300.000 đồng Phạm Văn T trộm cắp của chị H và T đã chi tiêu hết không thu hồi được và chị Huyện không yêu cầu nhận lại, thấy đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc xử lý vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 02 năm 2020.
3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Truy thu bị cáo Phạm Văn T số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Chi cục TGADS H N;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Mạnh Toàn

Đào Văn Rạng

Trần Xuân Dũng